

Bản án số: 121/2021/HS-ST
Ngày 17 - 6 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Rỹ

Bà Trần Thị Bảo Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Trần Cẩm N; sinh năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 1438/6/14 P, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 0.12 Lô A2B, Chung cư III B, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Thoa E; có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2020 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Trần Ngọc T, sinh năm 2002; nơi cư trú: 398/1B N Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Đỗ Trần Quốc T, sinh năm 1998; nơi cư trú: 323 T, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 06/12/2020, Trần Hoàng L điều khiển xe gắn máy biển số 59G2-421.54 đến chỗ ở của Nguyễn Trần Cẩm N và chở N đi mua sinh tố tại địa chỉ 378 T, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến khoảng 21 giờ 40 phút, cùng ngày 06/12/2020, sau khi mua sinh tố, L quay xe chở N đi về hướng ngã tư đường T - A. Trong lúc L quay xe, N nhìn thấy chị Trần Ngọc T đang ngồi sau xe gắn máy biển số 59N2-930.98 của anh Võ Minh H (cũng là khách đang dừng mua sinh tố), trên cổ chị T có đeo một sợi dây chuyền bằng kim loại. Thấy vậy nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt dây chuyền của chị T, lợi dụng tình huống được L chở trên xe và đang di chuyển ngang qua chị T, N lập tức dùng tay phải giật sợi dây chuyền trên cổ chị T và dự định lợi dụng tình huống L đang điều khiển xe để tẩu thoát. Tuy nhiên, khi N vừa giật dây chuyền của chị T thì anh H kịp thời phát hiện nên nắm cổ áo của N kéo ngược lại, khiến N ngã từ trên xe của L xuống đất.

Lúc này, L đã điều khiển xe đi được khoảng 10m thì phát hiện N bị ngã xe, L quay lại mới biết N vừa giật dây chuyền của chị T nên bị giữ lại. L kêu N trả lại dây chuyền nhưng chị T không đồng ý và đưa N cùng vật chứng đến trình báo Công an Phường 2, Quận 8. Công an ghi nhận lời khai và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với N.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 52/KL-HĐĐGTS ngày 15/3/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Sợi dây chuyền Nguyễn Trần Cẩm N chiếm đoạt của chị Trần Ngọc T được làm bằng hợp kim sắt, Crôm, phủ bề mặt một lớp hợp chất đồng và cacbon oxit, dài khoảng 45cm, đã qua sử dụng, có trị giá là 100.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Trần Cẩm N đã khai nhận hành vi cướp giật tài sản nêu trên. Ý định chiếm đoạt tài sản và thực hiện hành vi là do một mình N thực hiện, vì ngay khi phát hiện tài sản của chị T, N liền nảy sinh ý định và ngay lập tức thực hiện nên không có bàn bạc, rủ rê hay nói cho L biết ý định chiếm đoạt tài sản của mình.

Trần Hoàng L khai: L chỉ đến rủ và chở N đi mua sinh tố, việc N nhìn thấy tài sản, nảy sinh ý định và thực hiện hành vi cướp giật thì L không biết, vì N không nói, cũng không bàn bạc hoặc rủ rê L thực hiện, giúp sức. Lời khai của N phù hợp với lời khai của L.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại sợi dây chuyền cho chị Trần Ngọc T, đồng thời chị T không yêu cầu N bồi thường thiệt hại.

Qua xác minh, xe gắn máy biển số 59G2-42154 do Trần Hoàng L điều khiển chở N tại thời điểm N cướp giật tài sản, do anh Đỗ Trần Quốc T đứng tên đăng ký và đã tự ý thay đổi đặc điểm, màu sơn xe và tem xe từ xe Suzuki Raider màu trắng - đen thành Suzuki Satria màu đỏ - đen. Anh T khai đã bán xe này cho một người tên T1 (không rõ lai lịch) vào năm 2019, nhưng không làm văn bản, giấy tờ mua bán. Trần Hoàng L khai xe này do L mượn của một người tên B (không rõ lai lịch). Cơ quan điều tra đã có văn bản đăng tin tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của xe nhưng chưa có kết quả.

Tại bản Cáo trạng số 88/CT-VKSQ8 ngày 07/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Trần Cẩm N về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trần Cẩm N về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị đăng tin tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của xe gắn máy biển số 59G2-421.54 theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 21 giờ 40 phút, ngày 06/12/2020, tại trước số 378 T, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Trần Cẩm N có hành vi công khai chiếm đoạt 01 (một) sợi dây chuyền bằng hợp kim sắt – Crôm, phủ đồng, trị giá 100.000 đồng của chị Trần Ngọc T, rồi nhanh chóng tẩu thoát nhưng bị phát hiện, bắt quả tang. Bị cáo đã lợi dụng tình huống khi đang ngồi trên xe gắn máy để thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết định khung tăng nặng “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” của tội “Cướp giật tài sản”.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Trần Cẩm N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho bị hại, thuộc trường hợp “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*”. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Sợi dây chuyền bằng hợp kim dài khoảng 45cm là tài sản bị cáo chiếm đoạt, đã được thu hồi, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho bị hại. Đồng thời, bị hại không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xe gắn máy biển số 59G2-421.54 là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội, qua xác minh do anh Đỗ Trần Quốc T đăng ký, nhưng Anh T xác định đã bán xe này cho

một người tên T1 (không rõ lai lịch) vào năm 2019. Như vậy, Anh T không còn quyền lợi liên quan đến chiếc xe này. Do chưa xác định được chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của xe gắn máy biển số 59G2-421.54 nên cần tiếp tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của xe này trong thời hạn 01 năm, hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10] Về trách nhiệm dân sự, bị hại chị Trần Ngọc T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Bị cáo N khai, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không rủ rê, bàn bạc với Trần Hoàng L. Đồng thời, L cũng xác định không biết bị cáo N có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định Trần Hoàng L là đồng phạm trong vụ án này, cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Cẩm N 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2020.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 221, 228 của Bộ luật Dân sự.

Tiếp tục tạm giữ và đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng thời hạn 01 năm tìm chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp của 01 (một) xe gắn máy biển số 59G2-421.54, số khung: RLSDL11ANHV102559, số máy: CGA1502860. Nếu hết thời hạn trên không có người nhận hợp pháp thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Trần Cẩm N nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh